

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8

BỘ SÁCH: CÁNH DIỀU

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Đề 1

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Tuổi thơ chở đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chòng chành nhịp võng ca dao.

Con gặp trong lời mẹ hát

Cánh cò trắng, dải đồng xanh

Con yêu màu vàng hoa mướp

“Con gà cục tác lá chanh”.

Thời gian chạy qua tóc mẹ

Một màu trắng đến nôn nao

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát

Có cả cuộc đời hiện ra

Lời ru chắp con đôi cánh

Lớn rồi con sẽ bay xa.

(Trong lời mẹ hát, Trương Nam Hương)

Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. nghị luận.
- B. tự sự.

C. biểu cảm

D. miêu tả.

Câu 3. Ở văn bản này, người con đã gặp *trong lời mẹ hát* những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh

C. Có cả cuộc đời hiện ra

D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ :

Thời gian chạy qua tóc mẹ

A. So sánh

B. Nói quá

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

Câu 5. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao

A. Gợi hình ảnh người mẹ vất vả.

B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.

C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ

D. Tình thương của người mẹ đối với con.

Câu 6. Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

A. *Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao*

B. *Lời ru chấp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay*

xa
C. *Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông
lời mẹ ngọt ngào*

D. *Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

Câu 7. Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản

A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.

D. Đề cập đến tâm lòng người mẹ.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con?

Câu 9. Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

Câu 10. Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, định gánh đã xô sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghé trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kỳ lại để ngồi tằm trà, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: “Chết chửa!”, rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trông thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phỏ quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào tắt đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phên nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

(Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam, 1938)

Thực hiện yêu cầu:

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn trong đoạn trích trên.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 1**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 (0.5đ)	Câu 2 (0.5đ)	Câu 3 (0.5đ)	Câu 4 (0.5đ)	Câu 5 (0.5đ)	Câu 6 (0.5đ)	Câu 7 (0.5đ)
B	C	D	C	C	B	A

Câu 1 (0.5 điểm)

Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- C. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nhân phong cách ngôn ngữ

Lời giải chi tiết:

Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ : Nghệ thuật

→Đáp án: B

Câu 2 (0.5 điểm)

Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận.
- B. Tự sự.
- C. Biểu cảm
- D. Miêu tả.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nhân phương thức biểu đạt

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: Biểu cảm

→ Đáp án: C

Câu 3 (0.5 điểm)

Ở văn bản này, người con đã gặp *trong lời mẹ hát* những hình ảnh quen thuộc nào?

- A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh
- B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh
- C. Có cả cuộc đời hiện ra
- D. Cả A,B,C đều đúng

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý vào các hình ảnh được nhắc đến.

Lời giải chi tiết:

Ở văn bản này, người con đã gặp *trong lời mẹ hát* những hình ảnh quen thuộc: Cánh cò trắng, dải đồng xanh, màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh; có cả cuộc đời hiện ra.

→ Đáp án: D

Câu 4 (0.5 điểm)

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ :

Thời gian chạy qua tóc mẹ

- A. So sánh
- B. Nói quá
- C. Nhân hóa
- D. Hoán dụ

Phương pháp:

Chú ý vào ngữ cảnh để xác định kiểu câu.

Lời giải chi tiết:

“Thời gian chạy qua tóc mẹ”

Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là: Nhân hoá

→ Đáp án: C

Câu 5 (0.5 điểm)

Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

“Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao”

- A. Gọi hình ảnh người mẹ vất vả.
- B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.
- C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ
- D. Tình thương của người mẹ đối với con.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nội dung câu thơ

Lời giải chi tiết:

Nội dung chính của lời thơ: Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ

→ Đáp án: C

Câu 6 (0.5 điểm)

Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

A. Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao

B. Lời ru chấp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay

xa

C. Tuổi thơ chớ đầy cổ tích/ Dòng

sông lời mẹ ngọt ngào

D. Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ: “Lời ru chấp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa”

→ Đáp án: B

Câu 7 (0.5 điểm)

Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.

D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nội dung chính

Lời giải chi tiết:

- Nội dung chính của văn bản: Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.

→Đáp án: A

Câu 8 (0.5 điểm)

Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Lời giải chi tiết:

- Lời ru của mẹ rất quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc đời người con. Lời ru giúp con lớn lên khôn lớn, trưởng thành bay xa. Lời ru chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con....

Câu 9 (1.0 điểm)

Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết:

Gợi ý

Hình ảnh người mẹ trong bài thơ là một người mẹ đã tần tảo, vượt qua những khó khăn vất vả để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Vì vậy, hình ảnh ấy gợi lên nhiều cảm xúc trong lòng người đọc như:

- + Xúc động trước sự hi sinh của mẹ
- + Xót xa khi nhìn thấy mẹ già đi theo năm tháng
- + Yêu thương, trân quý, cảm phục sự hi sinh một đời của mẹ cho con cái.

Câu 10 (1.0 điểm)

Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức bản thân để trả lời**Lời giải chi tiết:**

Gợi ý thông điệp gửi gắm từ văn bản:

- Hãy luôn biết trân quý tình mẫu tử thiêng liêng/ trân quý tình cảm gia đình
- Luôn biết ơn công ơn dưỡng dục của mẹ cha
- Hãy phát huy những khúc hát ru để nuôi dưỡng tinh thần trẻ thơ...

PHẦN II – LÀM VĂN (4 điểm)

Câu 1 (4 điểm):

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, định gánh đã xô sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu

thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kỳ lại để ngòi tèm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khê: “Chết chưa!”, rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phố quên mất! Bấy giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phên nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

(Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam, 1938)

Thực hiện yêu cầu:

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn trong đoạn trích trên.

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Viết một bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về bức tranh phố huyện lúc chiều tàn.

Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận - Ý kiến cá nhân người viết với hiện tượng/vấn đề
Thân bài	2,5	- Bức tranh đời sống của phố huyện được gọi lên: + Cảnh chợ tàn: người về hết, tiếng ồn ào cũng mất, chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị,.. + Con người: mấy đứa trẻ con nhà nghèo đang tìm tòi, nhặt nhạnh sau phiên chợ tàn; mẹ con chị Tí nghèo khổ, cầm cự sống qua ngày; chị em Liên tuổi thơ gắn liền với cửa hàng tạp hoá, đã phải mưu sinh → Kiếp người tàn. - Bức tranh phố huyện gọi lên sự tàn lụi, nghèo đói, khó khăn, tiêu điều đến thảm hại. - Đánh giá chung:

		<p>+ Nội dung : Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn gợi hiện thực xã hội những năm 1930-1945; thể hiện niềm xót thương, cảm thông của nhà văn → Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác giả.</p> <p>+ Nghệ thuật: giọng văn nhẹ nhàng, trầm tĩnh mà thâm thía; lời văn bình dị, tinh tế; cốt truyện đơn giản, chỉ là một lát cắt nhỏ của đời sống nhưng tạo nên ấn tượng sâu sắc → Truyện ngắn trữ tình.</p>
Kết bài	0,5	- Khẳng định lại vấn đề
Yêu cầu khác	0,5	<p>- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>- Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố biểu cảm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>- Sử dụng từ ngữ, câu văn có sự liên kết các luận điểm, giữa bằng chứng và lí lẽ đảm bảo sự mạch lạc.</p>

Đề 2

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Đã thấy xuân về với gió đông,

Với trên màu má gái chưa chồng.

Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm

Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe,

Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe.

Lá nõn, nhành non ai trắng bạc?

Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mượt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.

(Xuân về - Nguyễn Bính, Trích từ Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do.
- B. Thất ngôn.
- C. Thơ mới.
- D. Bảy chữ.

Câu 2. Văn bản trên được viết bằng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận, biểu cảm
- B. Tự sự, biểu cảm.
- C. Tự sự, miêu tả
- D. Miêu tả, biểu cảm

Câu 3. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng tất cả bao nhiêu từ láy?

- A. 2 từ

B. 3 từ

C. 4 Từ

D.5 từ

Câu 4. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “*Lúa thì con gái mượt như nhung*”.

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa .

Câu 5. Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả Nguyễn Bính đã cảm nhận mùa xuân về trên những tín hiệu nào?

A. Mưa tạnh, trời quang, nắng mới

B. Gió đông về, má má gái chưa chồng

C. Lá nõn, nhành non, lúa thì con gái

D. Trong làn nắng ửng, khói mơ tan

Câu 6. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 7. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong*”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
- B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
- C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
- D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Giá trị biểu cảm của từ láy “*xun xoe*” trong câu thơ “*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe*”.

Câu 9. Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”*

Câu 10. Anh/Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

“...Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mượt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trảy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.”

(Trích Xuân vè - Nguyễn Bính)

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 2**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 (0.5đ)	Câu 2 (0.5đ)	Câu 3 (0.5đ)	Câu 4 (0.5đ)	Câu 5 (0.5đ)	Câu 6 (0.5đ)	Câu 7 (0.5đ)
D	C	C	A	B	A	D

Câu 1 (0.5 điểm)

Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do.
- B. Thất ngôn.
- C. Thơ mới.
- D. Bảy chữ.

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản

Xác định nhân phong cách ngôn ngữ

Lời giải chi tiết:

Thể thơ của văn bản trên: Bảy chữ

→ Đáp án: D

Câu 2 (0.5 điểm)

Văn bản trên được viết bằng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận, biểu cảm
- B. Tự sự, biểu cảm.
- C. Miêu tả, biểu cảm
- D. Miêu tả, Tự sự

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định phương thức biểu đạt

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt của văn bản là: Miêu tả, biểu cảm

→ Đáp án: C

Câu 3 (0.5 điểm)

Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng tất cả bao nhiêu từ láy?

- A. 2 từ
- B. 3 từ
- C. 4 Từ
- D. 5 từ

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định từ láy được sử dụng trong văn bản

Lời giải chi tiết:

Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng tất cả 4 từ láy

→ Đáp án: C

Câu 4 (0.5 điểm)

Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

“*Lúa thì con gái mượt như nhung*”.

A. Gọi hình, gọi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gọi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gọi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa .

Phương pháp:

- Xác định biện pháp tu từ

- Chỉ ra tác dụng

Lời giải chi tiết:

Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “*Lúa thì con gái mượt như nhung*”: Gọi hình, gọi cảm, nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

→ Đáp án: C

Câu 5 (0.5 điểm)

Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả Nguyễn Bính đã cảm nhận mùa xuân về trên những tín hiệu nào?

- A. Mưa tạnh, trời quang, nắng mới
- B. Gió đông về, màu má gái chưa chồng
- C. Lá nõn, nhành non, lúa thì con gái
- D. Trong làn nắng ửng, khói mơ tan

Phương pháp:

Đọc kỹ khổ 1

Lời giải chi tiết:

Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả Nguyễn Bính đã cảm nhận mùa xuân về trên những tín hiệu: Gió đông về, màu má gái chưa chồng

→ Đáp án: B

Câu 6 (0.5 điểm)

Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

- A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.
- B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.
- C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.
- D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nội dung chính

Lời giải chi tiết:

Ý khái quát nội dung chính của văn bản: Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

→ Đáp án: A

Câu 7 (0.5 điểm)

Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong*”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
- B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
- C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
- D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời.

Lời giải chi tiết:

Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong*”: Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

→ Đáp án: D

Câu 8 (0.5 điểm)

Giá trị biểu cảm của từ láy “*xun xoe*” trong câu thơ “*Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe*”.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời

Lời giải chi tiết:

Giá trị biểu cảm của từ láy “*xun xoe*” trong câu thơ “*Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe*”:

-Thể hiện tâm trạng nô nức, háo hức...

-Niềm vui sướng của con trẻ khi xuân về

Câu 9 (1.0 điểm)

Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”*

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết:

Gợi ý

Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”*

-Trang phục truyền thống

-Lễ hội mùa xuân

Câu 10 (1.0 điểm)

Anh/Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức bản thân để trả lời

Lời giải chi tiết:

Gợi ý thông điệp gửi gắm từ văn bản:

- *Sống hòa hợp, gần bó, yêu thiên nhiên*

- *Trân trọng những giá trị của làng quê, hồn quê*

PHẦN II –LÀM VĂN (4 điểm)

Câu 1 (4 điểm):

“...Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,

Lúa thì con gái mướt như nhung

Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,

Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.

Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,

Lần lần tràng hạt niệm nam vô.”

(Trích Xuân về - Nguyễn Bính)

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Viết một bài trình bày cảm nhận về 2 khổ thơ cuối bài thơ Xuân về - Nguyễn Bính.		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Bính, tác phẩm Xuân về và đoạn thơ
Thân bài	2,5	<p>Cảm nhận về đoạn thơ</p> <p>- Vẻ đẹp đồng quê xuân về:</p> <p>Giêng hai là thời gian nông nhàn, bà con dân cày, ai nấy đều tít tít trong lễ hội mùa xuân; Cảnh đồng làng bát ngát vườn tược, xóm thôn nở trắng màu hoa cam, hoa bưởi; Mùi thơm nồng nàn, quần quít ...</p> <p>→ Cảnh đồng xuân, vườn xuân thật trữ tình nên thơ, tràn đầy sức sống dưới con mắt yêu yêu đời của nhà thơ.</p> <p>- Cảnh đi trẩy hội mùa xuân:</p> <p>“<i>Một đôi cô</i>” duyên dáng, tươi xinh trong bộ đồ dân tộc đi trẩy hội chùa; Các cụ già, bà già “<i>tóc bạc</i>” lưng còng, tay chống gậy trúc, vừa đi vừa lần tràng hạt, miệng lầm rầm tụng nam mô...</p> <p>→ Cảnh trẩy hội xuân vừa tung bừng náo nhiệt, vừa dân dã hồn hậu đáng yêu.</p>

		<p>Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật. Có thể theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: Hình ảnh thơ tươi sáng, gần gũi; ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, gợi cảm... - Đoạn thơ là bức tranh đồng quê vào xuân bình dị, tươi sáng, tràn đầy sức sống, cảnh hội xuân tung bừng, đậm đà truyền thống văn hóa dân tộc; Qua đó, ta thấy tấm lòng tha thiết với thiên nhiên, con người của tác giả, ông luôn yêu và muốn níu giữ bản sắc văn hóa dân tộc.
Kết bài	0,5	- Khẳng định lại vấn đề
Yêu cầu khác	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố biểu cảm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. - Sử dụng từ ngữ, câu văn có sự liên kết các luận điểm, giữa bằng chứng và lí lẽ đảm bảo sự mạch lạc.

Đề 3

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

MIỀN QUÊ

(Nguyễn Khoa Điềm)^[1]

Lại về mảnh trăng đầu tháng
Mông lung mặt đồng bóng chiều,
Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm
Lúa mềm như vai thân yêu

Mùa xuân, là mùa xuân đầy
Thả chim, cỏ nội hương đồng
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ
Gõ sừng lên mảnh trăng cong

Có gì xôn xao đằm thắm
Bao nhiêu trông đợi chóng chày
Đàn em tóc dài mười tám
Thương người ra lính hôm mai

Để rồi bao nhiêu gió thổi
Bên giếng làng, ngoài bến sông
Có tiếng hát như con gái
Cao cao như vầng trăng trong...

(Nguồn: *Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn*, NXB Văn học, 2012)

[1] Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943, tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Thơ của Nguyễn Khoa Điềm lấy chất liệu từ văn học Việt Nam và cảm hứng từ quê hương, con người và tinh thần chiến đấu của người chiến sĩ Việt Nam yêu nước... Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước và con người Việt Nam. Điểm nổi bật của phong cách thơ Nguyễn Khoa Điềm nằm ở cảm hứng hiện thực thời đại, đề tài quen thuộc, cách thể hiện cái tôi đa dạng, lớp từ, hình ảnh cảm xúc sâu sắc và ý nghĩa lịch sử và văn hóa độc đáo.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản:

- A. Đàn em
- B. Người lính
- C. Tác giả
- D. Người con gái

Câu 2: Xác định thời gian nghệ thuật trong bài thơ?

- A. Sáng sớm
- B. Chiều tà

C. Đêm muộn

D. Đứng bóng

Câu 3: Hai câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào:

Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm

Lúa mềm như vai thân yêu

A. Hoán dụ

B. So sánh

C. Liệt kê

D. Nhân hoá

Câu 4: Đây là ý đúng nhất khi cảm nhận về bức tranh đồng quê của nhà thơ:

A. Nhộn nhịp, tấp nập, đông vui.

B. Hiu quạnh, ảm đạm, heo hút, mờ nhạt

C. Thanh bình, tươi sáng, nhẹ nhàng, thơ mộng.

D. Mênh mông, bát ngát, bao la.

Câu 5: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là:

A. Trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương

B. Nỗi nhớ về những kỉ niệm ấu thơ gắn bó với bạn bè

C. Nỗi nhớ về những kỉ niệm gắn bó với dòng sông quê

D. Ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi miền quê hương yêu dấu

Câu 6: Đáp án nào không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ:

A. Vận dụng linh hoạt sáng tạo các hình ảnh thiên nhiên để miêu tả bức tranh miền quê

B. Ngôn ngữ thơ trong sáng, nhẹ nhàng sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật

C. Hình ảnh thơ chân thực, sinh động gắn với đời sống và tâm hồn của con người

D. Ngôn ngữ bác học, mang phong vị cổ điển, sử dụng nhiều điển tích điển cố

Câu 7: Bài thơ đã đem đến bài học ý nghĩa nào:

A. Cần trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương vì nó góp phần nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người

B. Cần yêu quý quê hương vì đó là cái nôi nuôi dưỡng con người

C. Cần biết ơn quê hương đã nuôi dưỡng sự sống con người

D. Cần hăng say lao động vì có như thế mới tạo ra thành quả tốt đẹp cho quê hương.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8: Hình ảnh *mảnh trăng đầu tháng* ở đầu bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 9: Anh/ chị hiểu như thế nào về hai câu thơ sau (trình bày trong một đoạn văn từ 3 - 5 câu)?

Có tiếng hát như con gái

Cao cao như vàng trắng trong...

Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, anh /chị hãy chia sẻ những việc thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Câu 1. Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 3**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 (0.5đ)	Câu 2 (0.5đ)	Câu 3 (0.5đ)	Câu 4 (0.5đ)	Câu 5 (0.5đ)	Câu 6 (0.5đ)	Câu 7 (0.5đ)
C	B	B	C	D	D	A

Câu 1 (0.5 điểm)

Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản:

- A. Đàn em
- B. Người lính
- C. Tác giả
- D. Người con gái Tác giả

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản

Xác định nhân vật trữ tình

Lời giải chi tiết:

Nhân vật trữ tình trong văn bản: Tác giả

→ Đáp án: C

Câu 2 (0.5 điểm)

Xác định thời gian nghệ thuật trong bài thơ?

- A. Sáng sớm
- B. Chiều tà
- C. Đêm muộn
- D. Đứng bóng

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định thời gian nghệ thuật.

Lời giải chi tiết:

Thời gian nghệ thuật trong bài thơ: Chiều tà

→ Đáp án: B

Câu 3 (0.5 điểm)

Hai câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào:

Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm

Lúa mềm như vai thân yêu

- A. Hoán dụ,
- B. So sánh
- C. Liệt kê

D. Nhân hoá

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm

Lúa mềm như vai thân yêu

Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp tu từ: So sánh

→ Đáp án: B

Câu 4 (0.5 điểm)

Đâu là ý đúng nhất khi cảm nhận về bức tranh đồng quê của nhà thơ:

- A. Nhộn nhịp, tấp nập, đông vui.
- B. Hiu quạnh, ảm đạm, heo hút, mờ nhạt
- C. Thanh bình, tươi sáng, nhẹ nhàng, thơ mộng.
- D. Mênh mông, bát ngát, bao la.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý bức tranh đồng quê

Lời giải chi tiết:

Cảm nhận đúng nhất về bức tranh đồng quê của nhà thơ: Thanh bình, tươi sáng, nhẹ nhàng, thơ mộng.

→ Đáp án: C

Câu 5 (0.5 điểm)

Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là:

- A. Trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ gắn với quê hương
- B. Nỗi nhớ về những kỉ niệm ấu thơ gắn bó với bạn bè
- C. Nỗi nhớ về những kỉ niệm gắn bó với dòng sông quê
- D. Ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi miền quê hương yêu dấu

Phương pháp:

Đọc kĩ bài thơ

Xác định cảm hứng chủ đạo

Lời giải chi tiết:

Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là: Ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi miền quê hương yêu dấu.

→ Đáp án: D

Câu 6 (0.5 điểm)

Đáp án nào không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ:

- A. Vận dụng linh hoạt sáng tạo các hình ảnh thiên nhiên để miêu tả bức tranh miền quê
- B. Ngôn ngữ thơ trong sáng, nhẹ nhàng sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật
- C. Hình ảnh thơ chân thực, sinh động gắn với đời sống và tâm hồn của con người
- D. Ngôn ngữ bác học, mang phong vị cổ điển, sử dụng nhiều điển tích điển cố

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

Lời giải chi tiết:

Đáp án không phải giá trị nghệ thuật của bài thơ: Ngôn ngữ bác học, mang phong vị cổ điển, sử dụng nhiều điển tích điển cố

→ Đáp án: D

Câu 7 (0.5 điểm)

Bài thơ đã đem đến bài học ý nghĩa nào:

- A. Cần trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương vì nó góp phần nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người
- B. Cần yêu quý quê hương vì đó là cái nôi nuôi dưỡng con người

C. Cần biết ơn quê hương đã nuôi dưỡng sự sống con người

D. Cần hăng say lao động vì có như thế mới tạo ra thành quả tốt đẹp cho quê hương.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Rút ra bài học có ý nghĩa

Lời giải chi tiết:

Bài thơ đã đem đến bài học ý nghĩa: Cần trân trọng những vẻ đẹp bình dị của quê hương vì nó góp phần nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người.

→ Đáp án: A

Câu 8 (0.5 điểm)

Hình ảnh *mảnh trăng đầu tháng* ở đầu bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết:

Hình ảnh: *Mảnh trăng đầu tháng* gợi lên:

- Sự bắt đầu, sự lặp lại của một hiện tượng thiên nhiên (trăng)
- Sự mới mẻ, sự khởi đầu cho một hành trình mới, một dự định mới

- Dấu hiệu để gọi nhớ, gọi nhắc con người về những giá trị bền vững trong cuộc sống....

Câu 9 (1.0 điểm)

Anh/ chị hiểu như thế nào về hai câu thơ sau (trình bày trong một đoạn văn từ 3 - 5 câu)?

Có tiếng hát như con gái

Cao cao như vàng trắng trong...

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết:

- HS nêu cách hiểu của mình về hai câu thơ.

- Yêu cầu hình thức: Viết thành đoạn văn, đủ số câu, không xuống dòng.

Gợi ý:

Hiểu về câu thơ: *Có tiếng hát như con gái*

Cao cao như vàng trắng trong...

- Tiếng hát được ví như con gái, như vàng trắng trong... Cách so sánh thú vị gợi tả ấn tượng được niềm lạc quan, yêu đời cùng sự mê say của con người trước vẻ đẹp nên thơ của quê hương, trước tâm tình kín đáo mà sâu nặng của lòng người.

- Tiếng hát trẻ trung, trong sáng, vút cao... thể hiện được sức sống tâm hồn, tình yêu

- Tiếng hát cũng chính là tiếng lòng của con người...

Câu 10 (1.0 điểm)

Từ nội dung của bài thơ, anh /chị hãy chia sẻ những việc thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết:

Những việc thế hệ trẻ cần làm để lưu giữ và phát triển vẻ đẹp của quê hương:

- Chăm chỉ học tập, rèn luyện, trau dồi tri thức, hoàn thiện nhân cách để sau này dựng xây quê hương.
- Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng
- Có ý thức gìn giữ truyền thống văn hóa của quê hương...

Tham gia gìn giữ, quảng bá và phát triển những nét đẹp của quê hương mình...

PHẦN II – LÀM VĂN (4 điểm)

Câu 1 (4 điểm):

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận - Ý kiến cá nhân người viết với hiện tượng/vấn đề
Thân bài	2,5	<i>a. Thực trạng</i> - Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến. - Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc. - Tình trạng bạo lực học đường không chỉ xảy ra giữa các bạn nam mà hiện nay còn xảy ra ở các bạn nữ. <i>b. Nguyên nhân</i> - Chủ quan: do ý thức của các bạn học sinh còn kém, muốn thể hiện bản thân mình hơn người nên

	<p>dùng bạo lực và ngôn ngữ không đúng đắn để chứng minh.</p> <ul style="list-style-type: none">- Khách quan: do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc. <p><i>c. Hậu quả</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung.- Gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình.- Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu. <p><i>d. Giải pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề.- Gia đình cần quan tâm đến con em của mình nhiều hơn, giáo dục về ý thức, tư duy cho các em.
--	--

		- Nhà trường cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lí những hành vi bạo lực học đường để răn đe và không cho các em tái phạm.
Kết bài	0,5	Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.
Yêu cầu khác	0,5	- <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố biểu cảm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. - Sử dụng từ ngữ, câu văn có sự liên kết các luận điểm, giữa bằng chứng và lí lẽ đảm bảo sự mạch lạc.

Đề 4**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau:**

Mỗi sáng mẹ tôi gỡ tóc bằng cái lược thưa gỗ vàng vàng, thế nào rồi cũng có ít tóc rớt. Mẹ vo vo giắt nó lên đòn tay chỗ mái hiên nhà. Rồi chị tôi cũng làm thế, bắt chước mẹ cũng gỡ tóc, vo vo giắt mớ tóc rớt lên chỗ ấy.

Thỉnh thoảng trên đường làng có bà cụ rao to: “Ai tóc rớt đổi kẹo không?”.

Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rớt, ... còn bên kia chỉ có cái niêu đất, đúng hơn là một cái ang, cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê.

Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đĩa cả, quán vào đầu que, thật khéo, kẹo cứ lông không, trông rất nhiều, nhưng cho vào miệng nó xẹp lại chỉ còn tí tẹo. Bà cụ đưa kẹo cho chúng tôi, đổi lại nắm tóc rớt của bà, của mẹ hay của chị.

Tóc rớt bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi. Thế là mỗi lần bà cụ qua ngõ, tôi lại kiễ chân, với tay lên chỗ mái hiên... Mẹ bảo đó là kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả. Nhưng sao nó ngọt thế, hơn cả kẹo bột, kẹo bi.

Mẹ tôi đã mất. Chị tôi đi lấy chồng xa...

Cứ mỗi lần có ai đi qua rao lên: “Ai đổi kẹo”, tôi lại tưởng như thấy mẹ tôi ngồi đầu hè gỡ tóc bằng cái lược gỗ màu vàng vàng, đầu mẹ nghiêng nghiêng, sóng tóc đổ dài một bên vai, và rồi mẹ vuốt cái lược, vo vo nắm tóc, giắt nó lên mái hiên nhà...

Que kẹo mằm tuổi thơ... Mẹ ơi.... Còn có bao giờ con được thấy mẹ ngồi gỡ tóc như thế nữa.

(Kẹo Mềm, Băng Sơn, Nxb Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội, 2017, Tr. 138)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm và thuyết minh
- B. Thuyết minh và nghị luận
- C. Tự sự và nghị luận
- D. Tự sự và biểu cảm

Câu 2. Đối tượng chính được nói tới trong văn bản là:

- A. Tóc rối
- B. Kẹo mềm
- C. Bà cụ bán kẹo mềm
- D. Hình ảnh người mẹ

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,...”?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. Liệt kê

Câu 4. Dòng nào sau đây nói về đặc điểm của món kẹo mềm?

- A. “Cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê”
- B. “Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đĩa cả, quán vào đầu que”
- C. “Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi”
- D. “Kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả”

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của văn bản?

- A. Hồi tưởng về tuổi thơ đã qua
- B. Hồi tưởng về món kẹo mằm thuở nhỏ
- C. Hồi tưởng về món kẹo mằm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ, người chị
- D. Hồi tưởng về hình ảnh mẹ và chị ngồi gỡ tóc rối dưới mái hiên nhà

Câu 6. Cảm xúc chủ đạo của văn bản là:

- A. Nhớ tiếc quá khứ
- B. Trân trọng tuổi thơ
- C. Yêu thương mẹ và chị
- D. Khát khao trở về quá khứ

Câu 7. Cái tôi của tác giả được thể hiện như thế nào qua văn bản?

- A. Cái tôi đa cảm
- B. Cái tôi tài hoa
- C. Cái tôi uyên bác

D. Cái tôi sắc sảo

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 9. Anh/Chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

Câu 10. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của thời thơ ấu?
(Viết khoảng 5 – 7 câu).

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng vô cảm.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 4**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 (0.5đ)	Câu 2 (0.5đ)	Câu 3 (0.5đ)	Câu 4 (0.5đ)	Câu 5 (0.5đ)	Câu 6 (0.5đ)	Câu 7 (0.5đ)
D	B	D	D	C	A	A

Câu 1 (0.5 điểm)

Các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm và thuyết minh
- B. Thuyết minh và nghị luận
- C. Tự sự và nghị luận
- D. Tự sự và biểu cảm

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản

Xác định phương thức biểu đạt

Lời giải chi tiết:

Các phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản trên là: Tự sự và biểu cảm

→ Đáp án: D

Câu 2 (0.5 điểm)

Đối tượng chính được nói tới trong văn bản là:

- A. Tóc rối
- B. Kẹo mầm
- C. Bà cụ bán kẹo mầm
- D. Hình ảnh người mẹ

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định đối tượng trữ tình

Lời giải chi tiết:

Đối tượng chính được nói tới trong văn bản là: Kẹo mầm

→ Đáp án: B

Câu 3 (0.5 điểm)

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,...”?

- A. So sánh
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. Liệt kê

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Một bên thúng là mảnh chai vỡ, đồng nát, lông vịt, tóc rối,...”: Liệt kê

→ Đáp án: D

Câu 4 (0.5 điểm)

Dòng nào sau đây nói về đặc điểm của món kẹo mằm?

- A. “Cái liễn đựng một thứ kẹo mà bất cứ một đứa trẻ nào cũng phải mê”
- B. “Bà cụ lấy kẹo lên bằng chiếc đũa cả, quẩn vào đầu que”
- C. “Tóc rối bán bà cụ không mua, mua kẹo bà cụ không bán, chỉ đổi thôi”
- D. “Kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả”

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý đặc điểm của kẹo mằm

Lời giải chi tiết:

Đặc điểm của kẹo mằm: “Kẹo mằm làm bằng mằm cây mạ, mằm thóc, hoàn toàn không có đường mật gì cả”

→ Đáp án: D

Câu 5 (0.5 điểm)

Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của văn bản?

- A. Hồi tưởng về tuổi thơ đã qua
- B. Hồi tưởng về món kẹo mầm thuở nhỏ
- C. Hồi tưởng về món kẹo mầm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ, người chị
- D. Hồi tưởng về hình ảnh mẹ và chị ngồi gỡ tóc rối dưới mái hiên nhà

Phương pháp:

Đọc kỹ bài thơ

Xác định nội dung chính

Lời giải chi tiết:

Nội dung chính: Hồi tưởng về món kẹo mầm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ, người chị

→ Đáp án: C

Câu 6 (0.5 điểm)

Cảm xúc chủ đạo của văn bản là:

- A. Nhớ tiếc quá khứ
- B. Trân trọng tuổi thơ

C. Yêu thương mẹ và chị

D. Khát khao trở về quá khứ

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định cảm xúc chủ đạo

Lời giải chi tiết:

Cảm xúc chủ đạo của văn bản là: Nhớ tiếc quá khứ

→ Đáp án: A

Câu 7 (0.5 điểm)

Cái tôi của tác giả được thể hiện như thế nào qua văn bản?

A. Cái tôi đa cảm

B. Cái tôi tài hoa

C. Cái tôi uyên bác

D. Cái tôi sắc sảo

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời

Lời giải chi tiết:

Cái tôi của tác giả: Cái tôi đa cảm

→ Đáp án: A

Câu 8 (0.5 điểm)

Xác định đề tài của văn bản.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định đề tài

Lời giải chi tiết:

Đề tài của văn bản: Sự hồi tưởng lại món kẹo mầm tuổi thơ

Câu 9 (1.0 điểm)

Anh/Chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết:

Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là tích cực và có liên quan đến nội dung của văn bản.

Gợi ý:

- Phải biết yêu thương những người trong gia đình

- Hãy lưu giữ và trân trọng những kí ức tươi đẹp

Câu 10 (1.0 điểm)

Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của thời thơ ấu? (Viết khoảng 5 – 7 câu).

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết:

- HS nêu suy nghĩ của mình về vẻ đẹp thời thơ ấu.
- Yêu cầu hình thức: Viết thành đoạn văn, đủ số câu, không xuống dòng.

Gợi ý:

Suy nghĩ về vẻ đẹp của thời thơ ấu:

- Đó là một khoảng thời gian tươi đẹp, khi ta còn hồn nhiên, vô lo vô nghĩ
- Đó cũng là quãng thời gian mà ta được sống trong sự đùm bọc, yêu thương, trong sự ấm áp quây quần của gia đình
- Tuổi thơ còn là dưỡng chất để nuôi dưỡng tâm hồn ta, cho ta thêm sức mạnh để đối mặt với những khó khăn khi ta bước vào tuổi trưởng thành.

PHẦN II – LÀM VĂN (4 điểm)

Câu 1 (4 điểm):

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng vô cảm

Phương pháp giải:

Đọc kĩ văn bản

Dựa vào kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng vô cảm

Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận - Ý kiến cá nhân người viết với hiện tượng/vấn đề
Thân bài	2,5	Giải thích vấn đề: - “Vô cảm”: “Vô” (tức “không”), “cảm” (tình cảm, cảm xúc), “vô cảm” có thể hiểu là không có tình cảm, cảm xúc → Căn bệnh này có thể hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình. Thực trạng, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong cuộc sống: - Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội (<i>kết hợp lòng các dẫn chứng trong quá trình phân tích</i>):

	<p>+ Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng, học sinh thấy các hiện tượng tiêu cực như quay cốp, bạo lực học đường thì coi như không biết ...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân...</p> <p>Nguyên nhân:</p> <p>- Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh.</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội ⇒ con người ngày càng ít giao tiếp trong đời thực - Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kỹ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa - Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người. <p>Tác hại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội tràn đầy những điều xấu, điều ác. - Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai. <p>Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời sống xung quanh. - Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo... - Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người...
--	---

		<p>- Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong các môn học: Đạo đức, giáo dục công dân để học sinh học cách yêu thương, chia sẻ.</p> <p>Liên hệ bản thân: Cần lưu ý liên hệ những hành vi, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong chính môi trường học đường để hiểu và tránh.</p>
Kết bài	0,5	- Khẳng định lại vấn đề
Yêu cầu khác	0,5	<p>- <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>- Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố biểu cảm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>- Sử dụng từ ngữ, câu văn có sự liên kết các luận điểm, giữa bằng chứng và lí lẽ đảm bảo sự mạch lạc.</p>

Đề 5**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, dường như muốn lần tránh suốt đời.

Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

Kia như, trời còn tăm tối, thì đáng quân tử phải trở tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kì cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi. Trẫm nom nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh.

Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này cứ cái áp mùi nhà ắt phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?

Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thứ dân trăm họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn, quan võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đợi ra mắt, tùy tài lực dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chớ hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.

Vậy bố cáo gần xa để mọi người đều biết.

(*Chiếu cầu hiền* – Ngô Thì Nhậm)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Xác định các trợ từ được sử dụng trong câu sau: “Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức

hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.”

A. Nay, chính, những.

B. Chính, những, cùng

C. Nay, hãy, cùng

D. Nay, lên, cùng, hãy

Câu 3. Từ “hiền” trong câu: “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử.” được hiểu là:

A. Người hiền lành, tư cách đạo đức tốt

B. Người có tài năng vượt trội

C. Người vừa có đức vừa có tài

D. Nhân tài của đất nước.

Câu 4. Chiêu cầu hiền ra đời với mục đích gì?

A. Kêu gọi những người theo Nguyễn Ánh ra giúp Tây Sơn

B. Kêu gọi các Nho sĩ ra giúp nước

C. Kêu gọi những người giỏi võ ra giúp nước

D. Kêu gọi kẻ sĩ Bắc Hà ra cộng tác với triều đình Tây Sơn

Câu 5. Trong phần 1, tác giả đề cập mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử là gì?

- A. Người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử, như vậy là hợp ý trời.
- B. Người hiền tự giấu mình, không về với thiên tử là trái ý trời
- C. Người hiền có thể trở thành thiên tử
- D. Đáp án A và B

Câu 6. Đáp án **không thể hiện** đúng thái độ của sĩ phu Bắc Hà:

- A. Kẻ sĩ mai danh ẩn tích uông phí tài năng
- B. Người ra làm quan thì giữ mình không dám nói thẳng
- C. Nhiều người có tài năng còn chưa chịu ra giúp nước
- D. Nhiều người ngưỡng mộ tài năng của vua Quang Trung đã ra tiên cử

Câu 7. Câu văn “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao” nói lên nội dung gì?

- A. Nhân tài Bắc Hà nhiều như sao trên trời.
- B. Người hiền theo Quang Trung rất nhiều như sao trời
- C. Người hiền ở Bắc Hà rất hiếm có
- D. So sánh người hiền tài như vì sao tinh tú. Đề cao vị trí, vai trò của người hiền tài.

Câu 8. Giá trị nội dung của Chiếu cầu hiền là:

- A. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước

- B. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Ngô Thì Nhậm nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước
- C. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Tây Sơn tham gia xây dựng đất nước
- D. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Bắc Hà đi thi ra làm quan

Câu 9. Nhận xét về nghệ thuật lập luận của bài chiếu.

Câu 10. Qua bài chiếu, em có nhận xét gì về tư tưởng và tình cảm của vua Quang Trung.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Đáp án đề 5**Phần I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 (0.5đ)	Câu 2 (0.5đ)	Câu 3 (0.5đ)	Câu 4 (0.5đ)	Câu 5 (0.5đ)	Câu 6 (0.5đ)	Câu 7 (0.5đ)	Câu 8 (0.5đ)
B	A	C	D	A	D	D	A

Câu 1 (0.5 điểm)

Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản

Xác định phương thức biểu đạt chính

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: Nghị luận

→ Đáp án: B

Câu 2 (0.5 điểm)

Xác định các trợ từ được sử dụng trong câu sau: “Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài có đức hãy cùng cố gắng lên, ghi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.”

- A. Nay, chính, những.
- B. Chính, những, cùng
- C. Nay, hãy, cùng
- D. Nay, lên, cùng, hãy

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định trợ từ

Lời giải chi tiết:

Các trợ từ được sử dụng trong câu trên: nay, chính, những

→ Đáp án: A

Câu 3 (0.5 điểm)

Từ “hiền” trong câu: “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử.” được hiểu là:

- A. Người hiền lành, tư cách đạo đức tốt

- B. Người có tài năng vượt trội
- C. Người vừa có đức vừa có tài
- D. Nhân tài của đất nước.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nghĩa của từ

Lời giải chi tiết:

Từ “hiền” trong câu: “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử.” được hiểu là: Người vừa có đức vừa có tài

→ Đáp án: C

Câu 4 (0.5 điểm)

Chiếu cầu hiền ra đời với mục đích gì?

- A. Kêu gọi những người theo Nguyễn Ánh ra giúp Tây Sơn
- B. Kêu gọi các Nho sĩ ra giúp nước
- C. Kêu gọi những người giỏi võ ra giúp nước
- D. Kêu gọi kẻ sĩ Bắc Hà ra cộng tác với triều đình Tây Sơn

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định mục đích ra đời của Chiếu cầu hiền

Lời giải chi tiết:

Chiếu cầu hiền ra đời với mục đích: Kêu gọi kẻ sĩ Bắc Hà ra cộng tác với triều đình Tây Sơn

→ Đáp án: D

Câu 5 (0.5 điểm)

Trong phần 1, tác giả đề cập mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử là gì?

A. Người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử, như vậy là hợp ý trời.

B. Người hiền tự giấu mình, không nên về với thiên tử

C. Người hiền có thể trở thành thiên tử

D. Đáp án A và B

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử.

Lời giải chi tiết:

Trong phần 1, tác giả đề cập mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử là: Người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử, như vậy là hợp ý trời.

→ Đáp án: A

Câu 6 (0.5 điểm)

Đáp án **không thể hiện** đúng thái độ của sĩ phu Bắc Hà:

- A. Kẻ sĩ mai danh ẩn tích uổng phí tài năng
- B. Người ra làm quan thì giữ mình không dám nói thẳng
- C. Nhiều người có tài năng còn chưa chịu ra giúp nước
- D. Nhiều người ngưỡng mộ tài năng của vua Quang Trung đã ra tiên cử

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Chú ý thái độ của sĩ phu Bắc Hà

Lời giải chi tiết:

Đáp án **không thể hiện** đúng thái độ của sĩ phu Bắc Hà: Nhiều người ngưỡng mộ tài năng của vua Quang Trung đã ra tiên cử

Đáp án: D

Câu 7 (0.5 điểm)

Câu văn “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao” nói lên nội dung gì?

- A. Nhân tài Bắc Hà nhiều như sao trên trời.
- B. Người hiền theo Quang Trung rất nhiều như sao trời
- C. Người hiền ở Bắc Hà rất hiếm có

D. So sánh người hiền tài như vì sao tinh tú. Đề cao vị trí, vai trò của người hiền tài.

Phương pháp:

Đọc kĩ câu văn

Xác định nội dung

Lời giải chi tiết:

Câu văn “Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao” nói lên nội dung: So sánh người hiền tài như vì sao tinh tú. Đề cao vị trí, vai trò của người hiền tài.

→ Đáp án: D

Câu 8 (0.5 điểm)

Giá trị nội dung của Chiếu cầu hiền là:

- A. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước
- B. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Ngô Thì Nhậm nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước
- C. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Tây Sơn tham gia xây dựng đất nước
- D. Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên quân Bắc Hà đi thi ra làm quan

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Xác định nội dung chính

Lời giải chi tiết:

Giá trị nội dung của Chiếu cầu hiền là: Tác phẩm là một văn kiện quan trọng thể hiện chủ trương đúng đắn của Nguyễn Huệ nhằm động viên tri thức Bắc Hà tham gia xây dựng đất nước

→ Đáp án: A

Câu 9 (1.0 điểm)

Nhận xét về nghệ thuật lập luận của bài chiếu.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng cách hiểu của bản thân để trả lời câu hỏi

Lời giải chi tiết:

Nghệ thuật lập luận trong văn bản: Ngô Thì Nhậm đã dùng những lập luận đầy đủ, thấu đáo và sắc sảo để chỉ ra cho người hiền tài thấy được trách nhiệm của họ với đất nước, đồng thời thể hiện được nhân cách và phẩm chất của vua Quang Trung. Vừa lên ngôi nhưng vua Quang Trung đã có chính sách rất đúng đắn là trọng dụng nhân tài. Bài có bố cục hợp lí theo một logic chặt chẽ, lần lượt trình bày các nội dung.

Câu 10 (1.0 điểm)

Qua bài chiếu, em có nhận xét gì về tư tưởng và tình cảm của vua Quang Trung.

Phương pháp:

Đọc kỹ văn bản

Vận dụng kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi.

Lời giải chi tiết:

Tư tưởng của vua Quang Trung thể hiện chính sách lấy dân làm trọng, coi trọng ý kiến của dân.

- Cách tiến cử người tài hết sức thông thoáng với việc có thể tự mình bày tỏ công việc, quan tiến cử hoặc dân thư tự tiến cử.

- Lời kêu gọi chân thành những người có đức có tài hay ra phụng sự đất nước và hưởng phúc lâu dài.

→ “Chiếu cầu hiền” không chỉ nói lên chủ trương cầu hiền đúng đắn của vua Quang Trung mà còn cho ta thấy được tầm nhìn xa trông rộng và tấm lòng vì dân vì nước của nhà vua để xây dựng triều đại mới lúc bấy giờ. Nhà vua đánh giá rất cao vai trò của hiền tài trong việc xây dựng đất nước. Cầu hiền trở thành một nhu cầu tất yếu của một triều đại mới ra đời, đó là chính sách chiêu mộ nhân tài có từ thời nhà Lí.

PHẦN II – LÀM VĂN (4 điểm)

Câu 1 (4 điểm):

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.

Phương pháp giải:

Đọc kỹ văn bản

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.

Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở đoạn	0,5	- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận: Tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.
Thân đoạn	2,5	<p><i>Giải thích vẻ đẹp tâm hồn:</i> là vẻ đẹp bên trong mỗi con người, là nhân cách, phẩm chất tốt đẹp, những đức tính quý báu mà mỗi chúng ta cần rèn luyện, trau dồi để hoàn thiện bản thân mình.</p> <p>→ Khẳng định: con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.</p> <p><i>Phân tích, chứng minh</i></p> <p>– Mỗi con người có một khả năng riêng, thế mạnh riêng, chúng ta cần phải nhận ra giá trị của bản thân mình và tự tin vào bản thân mình, đó sẽ là động lực quan trọng góp phần giúp ta cố gắng thực hiện những mục tiêu trong cuộc sống và đạt được những điều chúng ta mong muốn.</p>

		<p>– Con người sống và đối xử với nhau bằng tính cách, bằng suy nghĩ và hành động, không phải bằng vẻ bề ngoài, vì vậy, để trở thành người tốt được mọi người yêu quý, trọng dụng, chúng ta cần phải rèn luyện cho bản thân mình vẻ đẹp tâm hồn và những đức tính tốt đẹp.</p> <p>– Người có đạo đức, nhân phẩm tốt sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng, sẽ có được nhiều cơ hội quý báu hơn trong cuộc sống.</p> <p>Chứng minh: Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn thành công và trở thành người có ích cho xã hội để minh họa cho bài làm văn của mình.</p> <p>Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều người biết đến.</p> <p>Bàn luận mở rộng</p> <p>Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người quá tự cao tự đại, ảo tưởng về sức mạnh của bản thân mà không chịu trau dồi, tiến bộ. Lại có những người đề cao vẻ đẹp về ngoại hình, hình thức hơn vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán và chỉ trích.</p> <p>Bài học và liên hệ bản thân.</p>
Kết đoạn	0,5	- Khẳng định lại vấn đề

Yêu cầu khác	0,5	<ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, có yếu tố biểu cảm. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. - Sử dụng từ ngữ, câu văn có sự liên kết các luận điểm, giữa bằng chứng và lí lẽ đảm bảo sự mạch lạc.
---------------------	-----	--

Loigiaihay.com